

PHÒNG
HÀO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Reading 1 - MH1105030

Mã lớp học phần: MH110503001

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 25.01.21 Giờ thi: 16 giờ 30 Phòng thi: A1.13

Giám thị 1: Tinhsy T.N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001	<u>AL</u>	10,0	Mười	C22TA2	
2	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000	<u>Ph</u>	6,0	Sáu	C22TA2	
3	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001	<u>Han</u>	9,5	chín năm	C22TA2	
4	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2002	<u>Hu</u>	8,5	Tám năm	C22TA2	
5	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002	<u>Huyen</u>	5,0	Năm	C22TA2	
6	2010130028	Bào Khôi	25/08/1999	<u>Bao</u>	8,0	Tám	C22TA2	
7	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000	<u>Ho</u>	8,0	Tám	C22TA2	
8	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001	<u>Kh</u>	8,0	Tám	C22TA2	
9	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002	<u>Kim</u>	5,0	Năm	C22TA2	
10	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002	<u>Minh</u>	7,0	Bảy	C22TA2	
11	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002	<u>Ph</u>	10,0	Mười	C22TA2	
12	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002	<u>Nhi</u>	8,0	Tám	C22TA2	
13	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/09/2002	<u>Nhi</u>	10,0	Mười	C22TA2	
14	2010130053	Võ Hồ Ngọc Quỳnh	23/03/2001	<u>Quynh</u>	9,5	chín năm	C22TA2	
15	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002	<u>Th</u>	5,0	Năm	C22TA2	
16	2010130031	Hoàng Thị Yến Thi	30/05/2002	<u>Thi</u>	8,5	Tám năm	C22TA2	
17	2010130036	Đinh Vũ Thùy Trang	01/08/2002	<u>Tr</u>	8,5	Tám năm	C22TA2	
18	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	<u>Uyen</u>	7,5	Bảy năm	C22TA2	
19	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002	<u>Vy</u>	10,0	Mười	C22TA2	
20	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002	<u>Vy</u>	10,0	Mười	C22TA2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 20 vắng thi: 0 . Số bài thi: 20 / _____.Số sinh viên đạt/không đạt: 20 / 0Tỷ lệ đạt: 100, ____ %Ngày 6 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Anh

Ngày 28 tháng 01 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Reading 1 - MH1105030

Mã lớp học phần: MH110503001

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 06.03.21 Giờ thi: 10 giờ Phòng thi: A1.13

Giám thị 1: Trương T.N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001	<u>AL</u>	7,5	Bảy năm	C22TA2	
2	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000	<u>Ph</u>	8,0	Tám	C22TA2	
3	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001	<u>Hao</u>	7,0	Bảy	C22TA2	
4	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2002	<u>H</u>	6,0	Sáu	C22TA2	
5	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002	<u>huyp</u>	7,0	Bảy	C22TA2	
6	2010130028	Bào Khôi	25/08/1999	<u>BK</u>	9,0	Chín	C22TA2	
7	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000	<u>HD</u>	9,5	chín năm	C22TA2	
8	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001	<u>NH</u>	5,0	Năm	C22TA2	
9	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002	<u>KL</u>	6,0	Sáu	C22TA2	
10	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002	<u>NTM</u>	5,0	Năm	C22TA2	
11	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002	<u>NP</u>	5,0	Năm	C22TA2	
12	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002	<u>HN</u>	5,0	Năm	C22TA2	
13	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/09/2002	<u>NH</u>	6,0	Sáu	C22TA2	
14	2010130053	Võ Hồ Ngọc Quỳnh	23/03/2001	<u>QV</u>	5,0	Năm	C22TA2	
15	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002	<u>NTHT</u>	6,5	Sáu năm	C22TA2	
16	2010130031	Hoàng Thị Yến Thi	30/05/2002	<u>HT</u>	5,0	Năm	C22TA2	
17	2010130036	Đinh Vũ Thùy Trang	01/08/2002	<u>DV</u>	9,5	chín năm	C22TA2	
18	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	<u>HTU</u>	5,0	Năm	C22TA2	
19	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002	<u>LV</u>	8,0	Tám	C22TA2	
20	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002	<u>LV</u>	8,5	Tám năm	C22TA2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 20 vắng thi: 0 . Số bài thi: 20 / _____Số sinh viên đạt/không đạt: 20 / 0Tỷ lệ đạt: 100 , _____ %Ngày 16 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 09 tháng 13 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Reading 1 - MH1105030

Mã lớp học phần: MH110503001

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 25.01.21 Giờ thi: 16 giờ 30 Phòng thi: A113

Giám thị 1: Trương T.N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002	<u>[Signature]</u>	9,5	chín năm	C22TA1	
2	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002	<u>[Signature]</u>	10,0	Mười	C22TA1	
3	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám	C22TA1	
4	2010130021	Quách Gia Dĩ	11/11/2002	<u>[Signature]</u>	9,0	chín	C22TA1	
5	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy	C22TA1	
6	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy	C22TA1	
7	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy	C22TA1	
8	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000	<u>[Signature]</u>	10,0	Mười	C22TA1	
9	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000	<u>[Signature]</u>	10,0	Mười	C22TA1	
10	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám	C22TA1	
11	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999	<u>[Signature]</u>	8,5	Tám năm	C22TA1	
12	2010130010	Phạm Thị Nguyệt Nhi	13/07/2001	<u>[Signature]</u>	✓	✓	C22TA1	
13	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy	C22TA1	
14	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002	<u>[Signature]</u>	9,5	chín năm	C22TA1	
15	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996	<u>[Signature]</u>	10,0	Mười	C22TA1	
16	2010130017	Nguyễn Ngọc Thảo Sương	26/05/2002	<u>[Signature]</u>	7,5	Bảy năm	C22TA1	
17	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002	<u>[Signature]</u>	10,0	Mười	C22TA1	
18	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001	<u>[Signature]</u>	9,5	chín năm	C22TA1	
19	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002	<u>[Signature]</u>	7,5	Bảy năm	C22TA1	
20	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999	<u>[Signature]</u>	7,0	Bảy	C22TA1	
21	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002	<u>[Signature]</u>	10,0	Mười	C22TA1	
22	2010130004	Võ Duy Toàn	01/03/2001	<u>[Signature]</u>	✓	✓	C22TA1	
23	2010130016	Nguyễn Thị Quyền Trâm	25/06/2002	<u>[Signature]</u>	6,0	Sáu	C22TA1	
24	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001	<u>[Signature]</u>	8,0	Tám	C22TA1	
25	2010130009	Trần Phi Yên	15/09/2001	<u>[Signature]</u>	10,0	Mười	C22TA1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 02 . Số bài thi: 23 / _____

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , _____ %

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 28 tháng 01 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trương Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG

KHẢO

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Reading 1 - MH1105030

Mã lớp học phần: MH110503001

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 06.03.21 Giờ thi: 10 giờ Phòng thi: A1.13

Giám thị 1: Trương T.N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002	Lan	8,0	Tám	C22TA1	
2	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002	Minh	7,0	Bảy	C22TA1	
3	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002	Hk	8,0	Tám	C22TA1	
4	2010130021	Quách Gia Dĩ	11/11/2002	B	7,0	Bảy	C22TA1	
5	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002	Đạt	5,0	Năm	C22TA1	
6	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000	D	7,5	Bảy năm	C22TA1	
7	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002	Kiệt	7,0	Bảy	C22TA1	
8	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000	Trúc	7,0	Bảy	C22TA1	
9	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000	Linh	7,5	Bảy năm	C22TA1	
10	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002	Thu	5,0	Năm	C22TA1	
11	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999	Nghĩa	8,0	Tám	C22TA1	
12	2010130010	Phạm Thị Nguyệt Nhi	13/07/2001	Nhi	✓	✓	C22TA1	
13	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001	Phúc	5,0	Năm	C22TA1	
14	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002	Phước	7,0	Bảy	C22TA1	
15	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996	Quyên	8,0	Tám	C22TA1	
16	2010130017	Nguyễn Ngọc Thảo Sương	26/05/2002	Sương	5,0	Năm	C22TA1	
17	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002	Tâm	9,0	chín	C22TA1	
18	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001	Tâm	8,0	Tám	C22TA1	
19	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002	Thảo	6,5	Sáu năm	C22TA1	
20	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999	Thảo	9,0	chín	C22TA1	
21	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002	Thịnh	8,0	Tám	C22TA1	
22	2010130004	Võ Duy Toàn	01/03/2001	Toàn	✓	✓	C22TA1	
23	2010130016	Nguyễn Thị Quyền Trâm	25/06/2002	Trâm	6,0	Sáu	C22TA1	
24	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001	Tuyết	8,0	Tám	C22TA1	
25	2010130009	Trần Phi Yến	15/09/2001	Yến	6,5	Sáu năm	C22TA1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 02 . Số bài thi: 23 /

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 02

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 16 tháng 11 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 09 tháng 03 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trương Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG

KHÁC



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Reading 1 - MH1105030

Mã lớp học phần: MH110503001

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Ngày thi: 06/04/2021

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Trương T.N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: Lê Trung Sơn Ký tên: Sơn

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Anh	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan	Anh	30/09/2002	<u>[Signature]</u>		8,8	Tám tám	C22TA1	
2	2010130054	Nguyễn Huỳnh	Anh	15/02/2001	<u>[Signature]</u>		8,0	Tám	C22TA2	
3	2010130013	Nguyễn Thị Minh	Anh	09/05/2002	<u>[Signature]</u>		9,8	Chín tám	C22TA1	
4	2010130015	Hồng Văn	Chiến	20/06/2002	<u>[Signature]</u>		4,6	Bốn sáu	C22TA1	
5	2010130021	Quách Gia	Di	11/11/2002	<u>[Signature]</u>		9,6	Chín sáu	C22TA1	
6	2010130035	Lê Đình Tiến	Đạt	29/09/2002	<u>[Signature]</u>		9,0	Chín	C22TA1	
7	2010130002	Trần Hữu	Đức	04/01/2000	<u>[Signature]</u>		8,8	Tám tám	C22TA1	
8	2010130034	Phạm Thị Thu	Hà	05/02/2000	<u>[Signature]</u>		9,0	Chín	C22TA2	
9	2010130039	Hà Lê Ngọc	Hân	05/10/2001	<u>[Signature]</u>		8,8	Tám tám	C22TA2	
10	2010130041	Võ Thị Hồng	Huệ	03/07/2002	<u>[Signature]</u>		8,2	Tám hai	C22TA2	
11	2010130037	Nguyễn Thị Như	Huyền	07/03/2002	<u>[Signature]</u>		8,6	Tám sáu	C22TA2	
12	2010130028	Bào	Khôi	25/08/1999	<u>[Signature]</u>		9,8	Chín tám	C22TA2	
13	2010130049	Hoàng Đăng	Khôi	27/12/2000	<u>[Signature]</u>		9,4	Chín bốn	C22TA2	
14	2010130042	Nguyễn Hoàng	Khương	23/12/2001	<u>[Signature]</u>		8,2	Tám hai	C22TA2	
15	2010130011	Nguyễn Tuấn	Kiệt	08/08/2002	<u>[Signature]</u>		8,8	Tám tám	C22TA1	
16	2010130030	Nguyễn Trần Long	Kim	02/08/2002	<u>[Signature]</u>		7,8	Bảy tám	C22TA2	
17	2010130003	Phan Nguyễn Trúc	Linh	16/12/2000	<u>[Signature]</u>		9,0	Chín	C22TA1	
18	2010130019	Phan Thị Chúc	Linh	20/11/2000	<u>[Signature]</u>		7,8	Bảy tám	C22TA1	
19	2010130018	Nguyễn Thị Thu	Mai	18/02/2002	<u>[Signature]</u>		8,6	Tám sáu	C22TA1	
20	2010130032	Nguyễn Thị Trúc	Mai	25/06/2002	<u>[Signature]</u>		8,4	Tám bốn	C22TA2	
21	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương	Nghi	23/09/2002	<u>[Signature]</u>		8,4	Tám bốn	C22TA2	
22	2010130001	Trần Trọng	Nghĩa	24/02/1999	<u>[Signature]</u>		8,4	Tám bốn	C22TA1	
23	2010130027	Huỳnh Hiếu	Nhi	09/03/2002	<u>[Signature]</u>		8,0	Tám	C22TA2	
24	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến	Nhi	23/09/2002	<u>[Signature]</u>		8,2	Tám hai	C22TA2	
25	2010130023	Võ Minh	Phúc	11/08/2001	<u>[Signature]</u>		9,2	Chín hai	C22TA1	
26	2010130020	Nguyễn Trương Kim	Phước	26/09/2002	<u>[Signature]</u>		9,0	Chín	C22TA1	
27	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim	Quỳên	17/11/1996	<u>[Signature]</u>		9,8	Chín tám	C22TA1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 27 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 27 / _____.

Số sinh viên đạt: 27 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 06 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Lê Phương Oanh



Ngày 06 tháng 04 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Reading 1 - MH1105030

Mã lớp học phần: MH110503001

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Ngày thi: 06/04/2021

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1: P.T. Tường

Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: P.A. Hằng

Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130053	Võ Hồ Ngọc Quỳnh	23/03/2001	<u>[Signature]</u>		3,4	Ba bốn	C22TA2	
2	2010130017	Nguyễn Ngọc Thảo Sương	26/05/2002	<u>[Signature]</u>		3,4	Ba bốn	C22TA1	
3	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002	<u>[Signature]</u>		9,2	chín hai	C22TA1	
4	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001	<u>[Signature]</u>		9,2	chín hai	C22TA1	
5	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002	<u>[Signature]</u>		9,2	chín hai	C22TA1	
6	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999	<u>[Signature]</u>		9,8	chín tám	C22TA1	
7	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002	<u>[Signature]</u>		5,0	Năm	C22TA2	
8	2010130031	Hoàng Thị Yến Thi	30/05/2002	<u>[Signature]</u>		8,0	Tám	C22TA2	
9	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002	<u>[Signature]</u>		9,6	chín sáu	C22TA1	
10	2010130036	Đinh Vũ Thùy Trang	01/08/2002	<u>[Signature]</u>		9,8	chín tám	C22TA2	
11	2010130016	Nguyễn Thị Quyên Trâm	25/06/2002	<u>[Signature]</u>		5,4	Năm bốn	C22TA1	
12	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001	<u>[Signature]</u>		9,4	chín bốn	C22TA1	
13	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	<u>[Signature]</u>		8,8	Tám tám	C22TA2	
14	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002	<u>[Signature]</u>		9,8	chín tám	C22TA2	
15	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002	<u>[Signature]</u>		9,8	chín tám	C22TA2	
16	2010130009	Trần Phi Yến	15/09/2001	<u>[Signature]</u>		9,2	chín hai	C22TA1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 16 / 16

Số sinh viên đạt: 14 Tỷ lệ đạt: 87,5%

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

[Signature] TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Nguyễn Lê Phương Anh

Ngày 6 tháng 4 năm 2021

[Signature] GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Reading 1

Mã bài thi: 7KFGJ8

Thời gian thi: 06/04/2021 13:30:00

Thời gian kết thúc: 06/04/2021 14:30:00

Giám thị 1: Trương T.N. Thu Ký tên: Thu
Giám thị 2: Lê Trang Sanh Ký tên: Sanh
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002	<u>An</u>	9.8	Chín, tám	C22TA1	
2	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002	<u>Lan</u>	8.8	Tám, tám	C22TA1	
3	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001	<u>An</u>	8	Tám	C22TA2	
4	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002	<u>Hc</u>	4.6	Bốn, sáu	C22TA1	
5	2010130035	Lê Đình Tiên Đạt	29/09/2002	<u>Đm</u>	9	Chín	C22TA1	
6	2010130021	Quách Gia Di	11/11/2002	<u>Di</u>	9.6	Chín, sáu	C22TA1	
7	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000	<u>Đc</u>	8.8	Tám, tám	C22TA1	
8	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000	<u>Ph</u>	9	Chín	C22TA1	
9	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001	<u>Hh</u>	8.8	Tám, tám	C22TA2	
10	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2000	<u>Hu</u>	8.2	Tám, hai	C22TA2	
11	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002	<u>Nh</u>	8.6	Tám, sáu	C22TA2	
12	2010130028	Bảo Khôi	25/08/1999	<u>Bk</u>	9.8	Chín, tám	C22TA1	
13	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000	<u>Đk</u>	9.4	Chín, bốn	C22TA2	
14	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001	<u>Nh</u>	8.2	Tám, hai	C22TA2	
15	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002	<u>Tk</u>	8.8	Tám, tám	C22TA1	
16	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002	<u>Lk</u>	7.8	Bảy, tám	C22TA1	
17	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000	<u>Ph</u>	9	Chín	C22TA1	
18	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000	<u>Ph</u>	7.8	Bảy, tám	C22TA1	
19	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002	<u>Ym</u>	8.6	Tám, sáu	C22TA1	
20	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002	<u>Ym</u>	8.4	Tám, bốn	C22TA1	
21	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002	<u>Ng</u>	8.4	Tám, bốn	C22TA2	
22	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999	<u>Tr</u>	8.4	Tám, bốn	C22TA1	
23	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002	<u>Nh</u>	8	Tám	C22TA1	
24	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/09/2002	<u>Yn</u>	8.2	Tám, hai	C22TA2	
25	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001	<u>Vp</u>	9.2	Chín, hai	C22TA1	
26	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002	<u>Kp</u>	9	Chín	C22TA1	
27	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996	<u>Nh</u>	9.8	Chín, tám	C22TA1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 27

Số sinh viên đạt: 27

Ngày 16 tháng 4 năm 2021
TRƯỜNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 06 tháng 04 năm 2021
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương T.N. Thu
Trương T.N. Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Reading 1

Mã bài thi: 6MY3GD

Thời gian thi: 06/04/2021 13:30:00

Thời gian kết thúc: 06/04/2021 14:30:00

Giám thị 1: P.T. Tường Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: P.Q. Sáng Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130053	Võ Hồ Ngọc Quỳnh	23/03/2001	<u>[Signature]</u>	3.4	Ba, bốn	C22TA2	
2	2010130017	Nguyễn Ngọc Thảo Sương	26/05/2002	<u>[Signature]</u>	3.4	Ba, bốn	C22TA1	
3	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C22TA1	
4	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C22TA1	
5	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C22TA1	
6	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999	<u>[Signature]</u>	9.8	Chín, tám	C22TA1	
7	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C22TA1	
8	2010130031	Hoàng Thị Yên Thi	30/05/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22TA1	
9	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C22TA1	
10	2010130016	Nguyễn Thị Quyên Trâm	25/06/2002	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C22TA1	
11	2010130036	Đinh Vũ Thùy Trang	01/08/2002	<u>[Signature]</u>	9.8	Chín, tám	C22TA1	
12	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001	<u>[Signature]</u>	9.4	Chín, bốn	C22TA1	
13	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C22TA2	
14	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002	<u>[Signature]</u>	9.8	Chín, tám	C22TA2	
15	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002	<u>[Signature]</u>	9.8	Chín, tám	C22TA2	
16	2010130009	Trần Phi Yến	15/09/2001	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C22TA1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 16

Số sinh viên đạt: 14

Ngày 16 tháng 4 năm 2021
[Signature] TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Nguyễn Lê Phương Anh

Ngày 6 tháng 4 năm 2021
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trương Thị Ngọc Thu